

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 175/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2026

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đăng Khoa

2. Bà Trần Ngọc Ánh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Thăng- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Mỹ Tiên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2026/QĐXX-ST, ngày 21 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 314/2026/QĐST- HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Thạch Ngọc L**, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp A, xã H, tỉnh An Giang.

Bà Thạch Ngọc L có đơn xin xét xử vắng mặt

- **Bị đơn:** Ông **Hứa Ngọc M**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp H, xã L, tỉnh An Giang.

Ông Hứa Ngọc M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2026 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Ngọc L trình bày:

Bà Thạch Ngọc L và ông Hứa Ngọc M kết hôn vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Định Hòa, tỉnh An Giang).

Quá trình chung sống, bà L và ông M không có con chung; về tài sản chung và nợ chung, bà xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung. Theo bà L, nguyên nhân do ông M không lo làm ăn, vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình, bà nhiều lần khuyên nhủ, tạo cơ hội để ông M thay đổi nhưng không có kết quả, vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Ngọc L yêu cầu được ly hôn với ông Hứa Ngọc M.

Về con chung: Bà Thạch Ngọc L xác nhận trong thời gian chung sống bà và ông M không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thạch Ngọc L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Hứa Ngọc M:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hứa Ngọc M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông M vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Hứa Ngọc M đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Ngọc L.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - An Giang phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Ngọc L, cho bà L được ly hôn với ông Hứa Ngọc M; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết; buộc bà L chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Thạch Ngọc L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Hứa Ngọc M nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp xin ly hôn*”, bị đơn có nơi cư trú tại

ấp H, xã L, tỉnh An Giang nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Thạch Ngọc L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Hứa Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Ngọc L và ông Hứa Ngọc M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Định Hòa, tỉnh An Giang). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo trình bày của bà L, sau thời gian đầu chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Bà cho rằng ông M không lo làm ăn; bà đã nhiều lần khuyên nhủ, tạo điều kiện để ông M thay đổi nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hứa Ngọc M đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng, trong đó có quyền trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà L, nhưng ông không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn với ông M.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Thạch Ngọc L và ông Hứa Ngọc M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung:

Bà Thạch Ngọc L xác định bà và ông Hứa Ngọc M không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Thạch Ngọc L xác định trong quá trình chung sống, bà và ông Hứa Ngọc M không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ông Hứa Ngọc M đã được Tòa án tổng đạt, thông báo các

văn bản tố tụng theo quy định nhưng không có ý kiến phản đối và không đưa ra yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này giữa các bên phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nghĩa vụ chung về tài sản thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - An Giang về việc giải quyết vụ án là phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Thạch Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Ngọc L, cho bà Thạch Ngọc L được ly hôn với ông Hứa Ngọc M.

2. Về con chung: Bà Thạch Ngọc L xác nhận bà và ông Hứa Ngọc M không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thạch Ngọc L xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Thạch Ngọc L phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 307793 ngày 04/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 3 – An Giang;*
- *THADS tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Huỳnh Ánh Tuyết